

DOI: 10.58490/ctump.2024i75.2301

**KHẢO SÁT LOẠI HÌNH ĐIỀU TRỊ VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG  
CỦA NGƯỜI BỆNH TẠI KHU ĐIỀU TRỊ II KHOA RĂNG HÀM MẶT  
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022**

**Quách Hưng Long\***, Nguyễn Ngọc Thảo Uyên, Nguyễn Hoàng Gia Bảo,  
Trương Thị Tâm Như, Quách Hưng Phú, Đinh Tuấn Kiệt,  
Trần Kim Định, Nguyễn Hoàng Giang

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

\*Email: 2053020055@student.ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/01/2024

Ngày phản biện: 20/5/2024

Ngày duyệt đăng: 25/6/2024

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Việc tìm hiểu thực trạng các loại hình điều trị và mức độ hài lòng của người bệnh khi được điều trị các bệnh răng hàm mặt là cơ sở để cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo sinh viên ngành Răng Hàm Mặt. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Xác định các loại hình điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2) Đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh đối với từng loại hình điều trị. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 376 người bệnh điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022. Các thông tin bao gồm giới tính, năm sinh, nghề nghiệp, địa chỉ, loại hình điều trị, mức độ hài lòng của người bệnh thu thập qua phỏng vấn bằng phiếu khảo sát sau buổi điều trị. **Kết quả:** Trong tổng số 376 người bệnh đến điều trị, loại hình điều trị chiếm tỷ lệ cao nhất là cao vôi răng 47,6%, kê đến là trám răng 36,2%, chữa tủy 7,7%, phục hình cố định 2,7%, phục hình tháo lắp 2,7%, nhổ răng 1,6%, điều trị viêm nướu, viêm nha chu 1% và ít nhất là tẩy trắng răng 0,5%. Có 94,9% người bệnh hài lòng với kết quả điều trị, trong đó rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao nhất với 82,4%, kể đến là hài lòng với 12,5%. **Kết luận:** Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có tỷ lệ các loại hình điều trị khá chênh lệch và hầu hết người bệnh rất hài lòng với kết quả điều trị.

**Từ khóa:** Loại hình điều trị, loại hình điều trị răng hàm mặt, mức độ hài lòng, mức độ hài lòng của người bệnh răng hàm mặt.

**ABSTRACT**

**A SURVEY ON TYPES OF TREATMENT AND SATISFACTION LEVELS  
OF PATIENTS IN THE SECOND ODONTO STOMATOLOGY  
TREATMENT UNIT OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE  
AND PHARMACY HOSPITAL IN 2022**

**Quach Hung Long\***, Nguyen Ngoc Thao Uyen, Nguyen Hoang Gia Bao,  
Truong Thi Tam Nhu, Quach Hung Phu, Dinh Tuan Kiet,  
Tram Kim Dinh, Nguyen Hoang Giang

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

**Background:** Learning about the present state of treatment types and satisfaction levels of dental patients contributes to enhancing the quality of education and training for Odonto Stomatology students. **Objectives:** 1) To determine types of treatment in the second Odonto stomatology treatment unit of Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital. 2) To assess patients' satisfaction levels with each type of treatment. **Materials and methods:** A cross-sectional

*descriptive study of 376 patients in the second Odonto Stomatology treatment unit in Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital from October 2022 to December 2022. Gender, year of birth, occupation, address, types of treatment, satisfaction levels and reasons for dissatisfaction are collected through interviews using off-the-shelf surveys after treatment. **Results:** Of the 376 patients, scaling dental plaque taked up 47.6%, filling rated 36.2%, tooth extraction was 1.6 %, endodontic treatment taked up 7.7%, fixed prosthodontics rated 2.7%, removable prosthodontics was 2.7%, gingivitis treatment along with gingivectomy rated 1% and teeth whitening taked up 0.5%. 94.9% of the patients were satisfied with the treatment, including 82.4% of highly satisfied evaluation and 12.5% of satisfied counterparts. **Conclusions:** In the second Odonto Stomatology treatment unit of Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital, the ratio of different types of treatment varies considerably and most of the patient reviews were highly satisfied.*

**Keywords:** Types of treatment, types of dental treatment, satisfaction levels, satisfaction levels of dental patients.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc khảo sát tỷ lệ các loại hình điều trị bệnh răng hàm mặt giúp chúng ta nắm được nhu cầu điều trị và thực trạng sức khỏe răng miệng của người bệnh. Tỷ lệ loại hình điều trị ảnh hưởng khá nhiều bởi sâu răng và một số bệnh răng miệng. Vũ Thanh Thương và cộng sự (2023) đã thực hiện một nghiên cứu về thực trạng sâu răng và yếu tố liên quan trên 387 người bệnh tại khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội, kết quả cho thấy người bệnh nữ chiếm đa số với 61% và độ tuổi từ 35 - 64 tuổi chiếm nhiều nhất gần 50%; bệnh sâu răng chiếm tỷ lệ cao nhất với 65,1% [1]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Minh và Trịnh Đình Hải cũng cho thấy tỷ lệ sâu răng ở nam và nữ có sự chênh lệch nhau [2]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Diễm (2022) trên người bệnh ngoại trú đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, sâu răng vĩnh viễn chiếm 97,8%; chảy máu nướu 72,7%, tụt nướu 26,7%, áp xe do răng chiếm 2,9%, loét niêm mạc chiếm 0,8% [3].

Sự hài lòng của người bệnh đối với các dịch vụ khám, chữa bệnh đang ngày càng quan trọng và được chú ý nhiều hơn. Việc đánh giá sự hài lòng của người bệnh ngày càng có ảnh hưởng lớn đối với việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe [4]. Nghiên cứu tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội năm 2022 cho thấy, năng lực chuyên môn là yếu tố được đánh giá với mức điểm trung bình cao nhất về sự hài lòng của người bệnh [5].

Hiện nay đã có nhiều nghiên cứu đánh giá về sự hài lòng trong điều trị các bệnh răng hàm mặt trong và ngoài nước, nghiên cứu của Tăng Thị Lưu tại Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng năm 2011 cho thấy mức độ hài lòng của người bệnh chưa được quan tâm chu đáo [6]. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nghiên cứu nào về tỷ lệ loại hình điều trị và sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám chữa bệnh tại Khu lâm sàng sinh viên Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên và với mong muốn tìm hiểu các loại hình điều trị và mức độ hài lòng của người bệnh nhằm góp phần cải thiện chất lượng điều trị, nghiên cứu này “Khảo sát loại hình điều trị và mức độ hài lòng của người bệnh tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022” được thực hiện với các mục tiêu: (1) Xác định các loại hình điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2) Đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh đối với từng loại hình điều trị.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người bệnh đến khám và điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Người bệnh đến khám và điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022 và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Người bệnh có các vấn đề tâm thần, thiếu năng về trí não, người bệnh câm điếc hoặc chỉ đến khám, chưa thực hiện điều trị.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

Cỡ mẫu:

Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

$n$ : Cỡ mẫu nghiên cứu

$Z$ : Hệ số tin cậy. Với  $\alpha = 0,05$  thì  $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$  (Hệ số tin cậy ở mức 95%)

$p$ : Là tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh khi được điều trị bởi sinh viên Khoa Răng Hàm Mặt, theo nghiên cứu tại trường đại học Sains Islam Malaysia, tỷ lệ hài lòng là 93,5% nên  $p = 0,935$  [7].

$d$ : Sai số tuyệt đối. Chọn  $d = 0,03$ .

Thay vào công thức chúng tôi tính được cỡ mẫu là 260 người bệnh. Lấy thêm 20% dự phòng, cỡ mẫu cuối cùng là 312 mẫu. Thực tế đã lấy 376 mẫu.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện cho đến khi đủ số mẫu người bệnh đến khám và điều trị trong thời gian khảo sát tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thỏa các tiêu chí chọn mẫu và loại trừ.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu: Giới tính, tuổi, khu vực, nghề nghiệp.

+ Xác định các loại hình điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ:

Loại hình điều trị, sinh viên điều trị, hàm trên dưới, nhóm răng, xoang trám.

+ Đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh đối với từng loại hình điều trị bệnh:

Sử dụng phiếu thu thập số liệu nghiên cứu và tham khảo phiếu điều trị của người bệnh, sử dụng thang đo truyền thống của Likert: Trên 1 lượt điều trị tham gia nghiên cứu có 5 sự lựa chọn: Rất hài lòng, Hài lòng, Trung lập, Không hài lòng, Rất không hài lòng.

- **Phân tích, xử lý số liệu:** Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Excel và xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Địa điểm: Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Trước khi tiến hành nghiên cứu và phỏng vấn người bệnh đến điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y

Dược Cần Thơ, chúng tôi đã được sự cho phép bởi hội đồng xét duyệt đề cương theo quyết định số 1275/QĐ-ĐHYDCT ngày 16 tháng 6 năm 2022.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Tổng số gồm 376 người bệnh điều trị tại Khu điều trị II Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Nhóm tuổi 16 - 30 chiếm đa số với 85,4%, còn lại là nhóm tuổi trên 30 chiếm 14,6%. Về giới tính, số lượt điều trị của nữ cao hơn nam (58% so với 42%).

Hầu hết các người bệnh đến khám và điều trị ở khu vực nội thành thành phố Cần Thơ (93,1%), chỉ có một số ít người bệnh đến từ khu vực khác (6,9%). Các người bệnh đến khám chủ yếu là học sinh, sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất (78,5%), tiếp đến là những người buôn bán, người kinh doanh (6,9%) và các ngành nghề khác chiếm tỷ lệ thấp.

#### 3.2. Các loại hình điều trị

Bảng 1. Phân bố các loại hình điều trị

Các loại hình điều trị	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cạo vôi răng	179	47,6
Trám răng	136	36,2
Nhổ răng	6	1,6
Chữa tủy	29	7,7
Phục hình cố định	10	2,7
Phục hình tháo lắp	10	2,7
Tẩy trắng răng	2	0,5
Điều trị viêm nướu, viêm nha chu	4	1
Tổng	376	100

Nhận xét: Trong tổng số 376 lượt điều trị, loại hình điều trị chiếm tỷ lệ chủ yếu là cạo vôi răng (47,6%) và trám răng (36,2%).

#### 3.3. Mức độ hài lòng của người bệnh

Bảng 2. Mức độ hài lòng của người bệnh đối với từng loại hình điều trị

Loại hình điều trị	Mức độ hài lòng								Tổng	
	Không hài lòng		Trung lập		Hài lòng		Rất hài lòng			
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Cạo vôi răng	9	5	1	0,6	21	11,7	148	82,7	179	100
Trám răng	3	2,2	5	3,7	13	9,6	115	84,6	136	100
Nhổ răng	0	0	0	0	1	16,7	6	83,3	6	100
Chữa tủy	1	3,4	0	0	4	13,8	24	82,8	29	100
Phục hình cố định	0	0	0	0	4	40	6	60	10	100
Phục hình tháo lắp	0	0	0	0	2	20	8	80	10	100
Tẩy trắng răng	0	0	0	0	0	0	2	100	2	100
Điều trị viêm nướu - viêm nha chu	0	0	0	0	2	50	2	50	4	100
Tổng	13	3,5	6	1,6	47	12,5	310	82,4	376	100

Nhận xét: Nhìn chung có 94,9% người bệnh hài lòng với kết quả điều trị, trong đó rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao nhất với 82,4%, kế đến là hài lòng (12,5%), trung lập (1,6%),

và chỉ có 3,5% người bệnh không hài lòng với kết quả điều trị. Ngoài ra, 100% người bệnh rất hài lòng và hài lòng với kết quả điều trị nhổ răng, phục hình cố định, phục hình tháo lắp, tẩy trắng răng, điều trị viêm nướu – viêm nha chu, chỉ có 3,5% người bệnh không hài lòng xảy ra với loại hình cạo vôi răng, trám răng và chữa tủy.

Bảng 3. Tỷ lệ mức độ hài lòng của người bệnh theo lớp sinh viên thực hiện

Sinh viên điều trị	Mức độ hài lòng								Tổng		Kiểm định Fisher Exact
	Không hài lòng		Trung lập		Hài lòng		Rất hài lòng				
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
Sinh viên Răng Hàm Mặt năm 5	10	3,4	6	2	39	13,1	243	81,5	298	100	p = 0,654
Sinh viên Răng Hàm Mặt năm 6	3	3,8	0	0	8	10,3	67	85,9	78	100	
Tổng	13	3,5	6	1,6	47	12,5	310	82,4	376	100	

Nhận xét: Sinh viên năm thứ 6 được đánh giá rất hài lòng (85,9%) cao hơn so với sinh viên năm thứ 5 (81,5%). Sinh viên năm 6 có 3 lượt đánh giá không hài lòng (3,8%), ở sinh viên năm 5 có 10 lượt (3,4%). Tuy nhiên, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ mức độ hài lòng khi điều trị được thực hiện bởi sinh viên năm thứ 5 và sinh viên năm thứ 6 ( $p > 0,05$ ).

Bảng 4. Phân bố lý do không hài lòng

Lý do không hài lòng	n	%
Đau	8	28,6
Thời gian chờ đợi	11	39,3
Kỹ năng sinh viên	5	17,9
Ghế máy hư hỏng	4	14,3
Tổng	28	100

Nhận xét: Có 28 lượt điều trị đưa ra lý do không hài lòng, lý do không hài lòng cao nhất là thời gian chờ đợi (39,3%), kế đến là lý do đau (28,6%), tiếp theo là kỹ năng sinh viên (17,9%), tỷ lệ không hài lòng vì ghế máy hư hỏng thấp nhất (14,3%).

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Về nhóm tuổi: Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn người bệnh nằm trong độ tuổi 16 - 30 chiếm 85,4%, kết quả nghiên cứu này cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Diễm (2022), có tỷ lệ người bệnh  $\leq 30$  tuổi chỉ chiếm 38,4%, trong khi người bệnh trên 30 tuổi chiếm 61,6% [3]. Điều này có thể do nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện tại khu điều trị của một Trường Đại học nên đa số các người bệnh được điều trị là sinh viên trong trường hoặc bạn của sinh viên thực hiện.

Về giới tính: Nghiên cứu của chúng tôi có số lượt điều trị ở giới nữ (58%) nhiều hơn số lượt điều trị ở giới nam (42%). Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Alshami ML và cộng sự (2022) với nữ là 54,6% và nam là 45,4%, cho thấy nữ giới quan tâm sức khỏe răng miệng nhiều hơn nam giới [8].

## 4.2. Các loại hình điều trị

Trong nghiên cứu của chúng tôi, điều trị cạo vôi răng được thực hiện nhiều nhất (47,6%), ngoài ra tỷ lệ trám răng cũng khá cao (36,2%). So sánh với nghiên cứu của Phạm Hải Đăng (2010) có sự khác biệt khi tỷ lệ nhu cầu điều trị của người bệnh đến khám tại phòng khám Răng Hàm Mặt với cạo vôi răng là 16,8% và trám răng là 29,5% [9]. Nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ cạo vôi răng cao hơn so với các điều trị khác có thể vì vôi răng là một vấn đề răng miệng khá phổ biến, có thể xảy ra ở mọi người, ngoài ra điều trị cạo vôi răng thường là điều trị đầu tiên trước khi tiến hành các điều trị khác trên người bệnh, đây cũng là một điều trị dễ thực hiện nên được sinh viên ưu tiên điều trị.

## 4.3. Mức độ hài lòng của người bệnh

Dựa vào Bảng 2, mức độ hài lòng chung của người bệnh về kết quả điều trị là 94,9% (gồm rất hài lòng là 82,4% và hài lòng 12,5%), có 3,5% lượt đánh giá không hài lòng và chỉ có 1,6% lượt đánh giá là trung lập. So sánh với nghiên cứu của Diana Md Zahid (2021), tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh đến điều trị tại Khoa Răng Hàm Mặt là 93,5% có sự tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi [7]. Chúng tôi khảo sát được với 3 loại hình điều trị được thực hiện nhiều nhất là cạo vôi răng, trám răng và chữa tủy, có thể thấy tỷ lệ rất hài lòng về kết quả điều trị của 3 loại hình này chiếm đa số, lần lượt là: 82,7%, 84,6% và 82,8%. Cho thấy đa số bệnh nhân rất hài lòng về kết quả điều trị khi được điều trị bởi sinh viên Khoa Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Theo kết quả Bảng 3 mức độ hài lòng của người bệnh khi được điều trị bởi sinh viên năm thứ 5 (Khóa 44) và năm thứ 6 (Khóa 43) khảo sát có lượt đánh giá chiếm tỷ lệ cao nhất là rất hài lòng với 82,4%. Khi so sánh mức độ hài lòng của người bệnh khi được điều trị bởi 2 nhóm sinh viên trên ta thấy, tỷ lệ rất hài lòng của người bệnh được điều trị bởi nhóm sinh viên năm 6 (Khóa 43) cao hơn so với khi được điều trị bởi sinh viên năm 5 (Khóa 44) (85,9% so với 81,5%), có 10 lượt không hài lòng ở sinh viên năm 5 (3,4%) và 3 lượt ở sinh viên năm 6 (3,8%). Nguyên nhân sinh viên năm 6 có lượt đánh giá rất hài lòng cao hơn có thể vì đây là nhóm sinh viên năm cuối với lượng kiến thức, kinh nghiệm và thời gian tiếp xúc lâm sàng nhiều hơn nên kỹ năng được cải thiện hơn so với sinh viên năm 5, vì vậy có thể hạn chế được các sai sót trong quá trình điều trị cũng như tránh được những vấn đề khiến người bệnh không hài lòng trong hành xử và giao tiếp. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hài lòng của người bệnh được điều trị bởi 2 nhóm sinh viên trên ( $p > 0,05$ ). Nghiên cứu của Diana Md Zahid (2021) tại trường đại học Sains Islam Malaysia cũng cho kết quả tương tự khi so sánh mức độ hài lòng của người bệnh được điều trị bởi 2 nhóm sinh viên Khoa Răng Hàm Mặt có kinh nghiệm lâm sàng khác nhau gồm sinh viên năm thứ 4 và năm thứ 5 ( $p > 0,05$ ) [7].

Theo Bảng 4. trong số 28 lượt điều trị đưa ra lý do không hài lòng, lý do không hài lòng chiếm tỷ lệ cao nhất là thời gian chờ đợi với 39,3%. Nghiên cứu của Alshami ML và cộng sự (2022) cũng có lượt phàn nàn về thời gian chờ đợi tại phòng khám chiếm đa số [8]. Nguyên nhân do thời gian chờ đợi lâu tại phòng chờ cùng với việc khi thực hành chỉ tiêu lâm sàng, tất cả các bước và quy trình điều trị của mỗi sinh viên đều phải được giảng viên giám sát và cho phép cũng gây mất nhiều thời gian khiến người bệnh cảm thấy không hài lòng. Lý do không hài lòng tiếp theo đó là đau (28,6%) và kỹ năng sinh viên (17,9%), đây là những lý do ảnh hưởng nhiều bởi tay nghề sinh viên và kinh nghiệm lâm sàng. Lý do cuối cùng là người bệnh không hài lòng vì ghé máy hư hỏng (14,3%), nguyên nhân do Khu điều

trị II Khoa Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Dược Cần Thơ hoạt động đã lâu và một số ghế máy có dấu hiệu hư hỏng cần được sửa chữa và bảo trì thường xuyên.

## V. KẾT LUẬN

Loại hình điều trị được thực hiện nhiều nhất là cạo vôi răng (47,6%) và trám răng (36,2%). Mức độ hài lòng chung của người bệnh với kết quả điều trị là 94,9% (bao gồm rất hài lòng (82,4%) và hài lòng (12,5%)). Nhìn chung, có thể thấy người bệnh rất hài lòng với kết quả điều trị khi được điều trị bởi sinh viên Khoa Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ 6 (Khóa 43) có tỷ lệ rất hài lòng cao hơn so với sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ 5 (Khóa 44): 85,9% so với 81,5%, tuy nhiên không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hài lòng của người bệnh được điều trị bởi 2 nhóm sinh viên trên. Lý do khiến bệnh nhân không hài lòng cao nhất là thời gian chờ đợi (39,3%), tiếp đến là đau (28,6%), kỹ năng sinh viên (17,9%) và ghế máy hư hỏng (14,3%).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thanh Thương, Trịnh Thị Thái Hà & Phạm Thị Tuyết Nga. Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân khám tại khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Bạch Mai 2022-2023. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 531(1B), doi: 10.51298/vmj.v531i1B.7072.
2. Nguyễn Thị Hồng Minh & Trịnh Đình Hải. Tình trạng sâu răng vĩnh viễn ở trẻ em Việt Nam năm 2019. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021. 502(1), doi: 10.51298/vmj.v502i1.549.
3. Nguyễn Thị Ngọc Diễm, Trần Thị Kim Ngọc & Trương Nhựt Khuê. Đặc điểm các bệnh răng miệng thường gặp ở bệnh nhân ngoại trú Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021-2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 51, 21-27, doi: 10.58490/ctump.2022i51.262.
4. Nguyễn Đức Thành. Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh nội trú về chất lượng chăm sóc sức khỏe tại các Bệnh viện tỉnh Hòa Bình. Trường Đại học Y tế công cộng. 2006.
5. Trương Văn Hiếu, Lê Thị Liên & Nguyễn Thị Lan Anh. Thực trạng về sự hài lòng và các yếu tố liên quan ở người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội - Năm 2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022. 517(1), doi: 10.51298/vmj.v517i1.3128.
6. Tăng Thị Lưu. Nghiên cứu sự hài lòng của bệnh nhân đối với Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. *Đại học Đà Nẵng*. 2011.
7. Zahid, D., A. Jaafar, H. Razain & W. Mokhtar. Evaluation Of Patient's Perceived Satisfaction Towards Dental Treatment Received From Usim's Undergraduates. Universiti Sains Islam Malaysia. 2021.
8. Muhanad L Alshami, Ghufuran D Awad, Mustafa R Abdurazaq & Hiba H Al-Rikaby. Evaluation of the patients' satisfaction with private dental clinics services: a questionnaire-based study. *Wiadomosci Lekarskie*. 2022. 75(7), 1658-1663, doi: 10.36740/WLek202207108.
9. Phạm Hải Đăng. Khảo sát nhu cầu và yêu cầu điều trị của bệnh nhân đến khám tại phòng khám Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ và Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Răng Hàm Mặt. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2010.